

Bài 6: Phan Bội Châu

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP TRANH ĐẤU

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San⁷⁵, tự là Hải Thu, bút hiệu là Sào Nam⁷⁶, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điều, Hàn Mãn Tử, v.v... Theo gia phả họ Phan, ông sinh ngày 26 tháng 12 năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thân phụ ông là Phan Văn Phổ, một nhà nho chân chính rất trọng chữ thanh bản. Thân mẫu ông là bà Nguyễn Thị Nhàn, một nữ sĩ được tiếng là người đức hạnh. Ông nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi học 3 ngày thuộc hết *Tam Tự Kinh*, 7 tuổi ông đã đọc hiểu sách *Luận Ngữ*, 13 tuổi ông thi đỗ đầu huyện. Thuở thiếu thời ông đã sớm có lòng yêu nước. Năm 17 tuổi ông viết bài *Hịch Bình Tây Thu Bắc* đem dán ở cây đa đầu làng để hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn Trần Văn Lương lập Sĩ Tử Cần Vương Đội chống Pháp nhưng việc không thành.

Gia cảnh khó khăn, ông đi dạy học kiếm sống và học thi, nhưng thi suốt 10 năm không đỗ, lại can tội “hoài hiệp văn tự” (mang văn tự trong áo) án ghi “chung thân bất đắc ứng thí” (suối đời không được dự thi). Năm 1896 ông vào Huế dạy học, do mến tài ông nên các quan xin vua Thành Thái xóa án “chung thân bất đắc ứng thí”. Khi được xóa án, ông dự khoa thi hương năm Canh Tý (1900) ở Trường Nghệ và đậu Giải Nguyên. Có tài liệu cho rằng bài làm của ông quá xuất sắc đến nỗi khi yết bảng, trường thi đã làm 2 bảng, 1 bảng ghi 5 chữ to “Giải Nguyên Phan Bội Châu”, bảng kia ghi tên những người thi đỗ còn lại.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ Giải Nguyên, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành) Đặng Nguyên Cấn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiên, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904 ông cùng 20 nhà yêu nước họp mặt tại Quảng Nam để thành lập Duy Tân Hội.

Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào

⁷⁵ Vì San trùng với tên húy vua Duy Tân (Vĩnh San) nên phải đổi thành Phan Bội Châu. “Bội Châu” có nghĩa là đeo ngọc.

⁷⁶ Tên hiệu Sào Nam lấy từ 2 câu thơ cổ *Hồ mã tê sóc phong, Việt điều sào nam chi* nghĩa là *Ngựa Hồ hí gió Bắc, Chim Việt đậu cành Nam*, ý nói người không quên gốc gác của mình.

do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu, và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của dân Việt. Nghe lời khuyên, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước. Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong trận Tsushima trong chiến tranh Nga-Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan trong các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.

Năm 1906 Phan Bội Châu đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và một số học sinh người Việt khác sang Nhật. Cũng trong năm đó ông mời được Phan Châu Trinh, một nhà cách mạng nổi tiếng khác, đến thăm ông tại Tokyo. Sau hai tuần thảo luận, hai người không giải quyết được bất đồng chính kiến về cách chống Pháp. Trong khi Phan Bội Châu muốn giữ thể chế quân chủ, Phan Chu Trinh muốn hủy bỏ chế độ này để tạo một quốc gia dân chủ.

Năm 1907 Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Cống Hiến Hội, một phong trào gồm có 100 học sinh du học ở Nhật. Việc này có ý nghĩa tượng trưng vì những học sinh có được cơ hội để cộng tác với nhau với tư cách là những người Việt, không phải người Bắc Kỳ, Nam Kỳ, hay Trung Kỳ mà người Pháp đã chia ra. Tuy nhiên, dưới áp lực của Pháp, Nhật Bản đã trục xuất họ trong năm sau.

Trong năm 1907 trường Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập để huấn luyện các nhà cách mạng chống Pháp. Các tác phẩm của ông được nghiên cứu và Phan Chu Trinh giảng dạy tại trường này. Nghi rằng Phan Bội Châu có dính líu đến trường này, Pháp đã đóng cửa nó trong vòng ít hơn một năm. Họ cũng cho rằng ông có trách nhiệm trong các cuộc biểu tình chống thuế tại các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi cũng như tại Huế trong đầu năm 1908. Họ cũng cho rằng ông có dính líu đến một cuộc nổi dậy bị thất bại tại Hà Nội trong tháng 6 năm 1908. Pháp đã xử tử 13 người tham gia trong cuộc này và bỏ tù hàng trăm người khác tại Côn Đảo (kể cả Phan Chu Trinh).

Tháng 3 năm 1909, ông bị Nhật trục xuất. Sau đó ông đến Hồng Kông, Bangkok và Quảng Châu. Trong những năm này, các tác phẩm cách mạng của ông ảnh hưởng phong trào chống Pháp ngay tại Việt Nam.

Năm 1912, nức lòng vì thành quả cuộc Cách Mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc của Tôn Dật Tiên, Phan Bội Châu cùng một số nhà cách mạng quốc gia Việt Nam lưu vong tại Quảng Châu thành lập một tổ chức cách mạng thay thế cho Duy Tân Hội. Tôn chỉ của tổ chức mới mang tên Việt Nam Quang Phục Hội là đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước, khôi phục chủ quyền của Việt Nam, và thành lập “Việt Nam Cộng Hòa Dân Quốc”.

Trong thời điểm này, Phan Bội Châu đã thay đổi chính kiến của ông về thể chế quân chủ. Tuy nhiên, ông vẫn duy trì Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trong vai trò chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam Quang Phục Hội. Nhằm gây tiếng vang, tạo ủng hộ trong quần chúng quốc nội, năm 1913 ông cho tổ chức ám sát và đặt chất nổ phá hoại nhiều nơi trong nước. Nhà cầm quyền Pháp phản ứng gay gắt, và nhân cơ hội Viên Thế Khải lên cầm quyền tại Trung Quốc, chính quyền Pháp nhờ ông này bắt giam Phan Bội Châu.

Đệ Nhất Thế Chiến bùng nổ, Pháp đưa 50.000 quân Việt Nam và 50.000 lao công sang châu Âu tham chiến, và buộc người Việt phải chịu thêm nhiều sưu thuế nặng nề để tài trợ nỗ lực chiến tranh của Pháp. Nhiều cuộc nổi loạn chống thực dân bộc phát tại Việt Nam, nhưng bị Pháp đàn áp dễ dàng. Năm 1916, Vua Duy Tân xuất cung tham gia cuộc nổi loạn của một số binh lính Việt Nam. Người Pháp được mật báo chương trình nổi loạn nên bắt giam và xử chém toàn bộ các nhà lãnh đạo. Vua Duy Tân bị truất ngôi và bị đày ra đảo Réunion ở Ấn Độ Dương.

Một trong những cuộc nổi dậy kháng Pháp hữu hiệu nhất năm 1916 là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Khoảng 300 binh lính Việt nổi dậy, phóng thích và cấp súng ống cho 200 tù binh chính trị cùng vài trăm dân địa phương. Nghĩa quân đánh chiếm và làm chủ Thái Nguyên trong nhiều ngày liền, với hy vọng được tiếp viện bởi Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Khi không ai đến giúp, Pháp đánh chiếm lại Thái Nguyên và truy bắt hầu hết nghĩa quân.

Năm 1917, Phan Bội Châu được phóng thích. Ông lưu lạc tại Trung Quốc suốt tám năm trường sau đó, học tập và viết báo sinh nhai nhưng không còn trực tiếp ảnh hưởng đến các cao trào cách mạng quốc gia Việt Nam. Ngày 30 tháng 6 năm 1925 ông bị Pháp bắt tại Thượng Hải, giải giao ông về Hà Nội và xử ông án chung thân khổ sai⁷⁷. Bản án sau được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo *Việt Nam Pháp Thuộc Sử*, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, thành phố Huế cho đến khi mất. Phan Bội Châu mất ngày 29 tháng 12 năm 1940 tại Huế.

⁷⁷ Theo Mạc Định Hoàng Văn Chí, trong “Từ Thực Dân Đến Cộng Sản” (TTĐCS), thì Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh) chính là người đã tiết lộ cho Pháp tung tích của Phan Bội Châu, dẫn đến việc ông bị bắt tại Thượng Hải. (Mạc Định Hoàng Văn Chí: Sđd, tr. 38).

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Sự nghiệp văn chương của cụ gồm có thơ văn và các tác phẩm cổ động lòng ái quốc hoặc bản Hán văn hoặc bằng văn Nôm.

Về Hán văn:

- Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư
- Hải Ngoại Huyết Thư
- Việt Nam Vong Quốc Sử
- Nhục Trung Thư
- Các bài đăng trong báo Tàu v.v..

Về văn Nôm:

- Tuồng Trung Nữ Vương
- Chuyện Lê Thái Tổ
- Giác Quân Thư
- Các bài văn tế: Tế đồng bào Nghệ Tĩnh chết vì nạn lụt ...
- Các bài phú: Tỉnh Quốc Dân Phú ...
- Các bài thơ: Ngồi Tù, Vào Thành, Núi Ngự Sông Hương, Mình với Bóng, Tâm Sự Trước Khi Chết.
- Hai bài diễn thuyết tại trường Quốc Học và trường Đồng Khánh ở Huế.
- Pháp Việt Đề Huề Chánh Kiến ...

Ngoài ra cụ cũng có đăng nhiều bài trong vài báo Việt Ngữ.

Trong Ngục Quảng Châu

Vẫn là hào kiệt, vẫn *phong lưu*,
Chạy mỗi chân thì hãy ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn biển.
Lại người có tội giữa năm châu.
Bủa tay ôm chặt *bò kinh tế*,
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân nợ vẫn còn, còn sự nghiệp,
Dù bao nguy hiểm *xá gì* đâu.

Chú Thích:

Phong lưu: Có thái độ nhàn nhã ung dung.
Bủa tay: Dang tay.
Kinh tế: Do chữ kinh bang tế thế, trị nước giúp đời.
Xá gì: Không e ngại sợ hãi gì.

Đại Ý:

Nhà tù chỉ là nơi nhà cách mạng tạm nghỉ chân. Tác giả có thái độ anh hùng coi thường lao lung, nguy hiểm, vẫn bền gan theo đuổi chí lớn để tạo sự nghiệp cách mạng giải thoát cho dân nước khỏi ách nô lệ.

Cụ Phan nhờ Quốc Dân Đảng Trung Hoa giúp đỡ đã hoạt động công khai tại Quảng Châu, lập Việt Nam Quang Phục Hội và chỉ huy các cuộc bạo động tại nước nhà. Năm 1913, cụ bị tòa án Đê Hình của Pháp ở nước nhà lên án tử hình vắng mặt. Long Tế Quang, đô đốc lưỡng Quảng, giao thiệp với Pháp để mượn đường Hà Nội sang Vân Nam đánh bọn khởi nghĩa chống Viên Thế Khải. Vì thế cụ Phan và các nhà cách mạng Việt Nam bị bắt giam vào ngục Quảng Châu. Nhưng sau đây Hồ Hán Dân hạ được Quang và cụ Phan được thoát cảnh lao tù. Trong khi ngồi tù cụ làm bài thơ này.

Sống

Sống tui làm chi đứng chậ trời?
Sống nhìn thế giới hỏ chẳg ai?
Sống làm nô lệ cho người khiên.
Sống chịu ngu si để chúng cười.
Sống tưởng công danh, không tưởng nước,
Sống lo phú quý, chẳng lo đời,
Sống mà như thế đừng nên sống!
Sống tui làm chi đứng chậ trời?

Chết

Chết mà vì nước, chết vì dân,
Chết đẳg nam nhi trả nợ trần.
Chết buổi *Đông Chu* hồn thất quốc,
Chết như *Tây Hán* lúc tam phân.
Chết như Hung Đạo, hồn thành thánh,
Chết tựa Trung Vương, phách hóa thần.
Chết *cụ Tây Hồ*, danh chẳng chết,
Chết mà vì nước, chết vì dân.

Chú Thích:

Đông Chu: Nhà Chu khi dời về phía đông thì suy, đất nước Trung Hoa bị qua phân loạn lạc vì nạn chư hầu. Có nhiều người hy sinh vì nước. Điển hình nhất là tráng sĩ Kinh Kha biết chắc là sẽ chết khi đi ám sát Tần Thủy Hoàng mà vẫn đi để rồi chết khi ám sát hụt. Kinh Kha chết nhưng danh còn, gây được tinh thần chống bạo quyền cho người sau nối chí.

Tây Hán: Thời Tam Quốc cũng có nhiều người chết vì nước. Điển hình nhất có bà mẹ Từ Thứ tự tử, chết để tránh cho Từ Thứ khỏi vì mình mà phục vụ Tào Tháo là kẻ tiếm quyền vua Hán.

Cụ Tây Hồ: Cụ Phan Chu Trinh đến ngày bệnh sắp chết còn tranh đấu đọc diễn văn cảnh tỉnh đồng bào.

NHỮNG TÂM GƯƠNG CỦA THANH NIÊN ĐÔNG DU

Trích Lê Mạnh Hùng

Qua một số những cuộc đời tiêu biểu của thanh niên thế hệ Đông Du ta có thể thấy tầm quan trọng và ý nghĩa của phong trào này đối với lịch sử cách mạng Việt Nam. Sau đây là một số tấm gương tiêu biểu của các nhà ái quốc Đông Du mà khi rời nước ra đi mới chỉ là những thanh niên trẻ:

- Hoàng Hùng sau khi rời Nhật, đến ở Hồng Kông và hoạt động cách mạng tại đó cho đến khi bị mật thám Anh bắt trao lại cho Pháp và bị đày đi Côn Đảo.
- Đặng Tư Mân cũng chạy sang Hồng Kông và sau khi bị mất ba ngón tay vì làm bom bị mật thám Anh bắt cầm tù. Sau đó ông sang hoạt động tại vùng biên giới giữa Thái Lan và Trung Quốc tìm cách kích động các dân tộc thiểu số nổi dậy.
- Hoàng Đình Tuân, một con người đặc biệt giỏi về ngôn ngữ, nói tiếng Quảng Đông như một người bản xứ, thông thạo tiếng Nhật, Anh, Pháp và Đức trở thành giáo sư tại Bắc Kinh và là chủ bút tờ báo Đông Á Đông Văn. Mặc dầu nghèo khó, ông nhất định không chịu Pháp mua chuộc và chết vì bệnh lao.
- Lương Ngọc Quyến, con của Lương Văn Can, một trong những người chủ xưởng ra Đông Kinh Nghĩa Thục, một trong những học sinh đầu tiên sang Nhật, tiếp tục học quân sự tại trường Võ Bị Bắc Kinh. Sau khi tốt nghiệp, ông trở về Hồng Kông và bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp. Bị giam ở Thái Nguyên, ông vận động được những binh sĩ Việt Nam đóng tại đó và cầm đầu cuộc nổi dậy Thái Nguyên năm 1917. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông bị Pháp giết.
- Đàm Kỳ Sinh, con của một vị quan án sát triều đình Huế, sau khi bị trục xuất trốn ở lại Nhật làm nghề thợ nề. Sau đó với số tiền dành dụm mua hai khẩu súng lục bí mật trở về Việt Nam với một thông điệp của Phan Bội Châu và tìm cách ám sát một tên mật thám Pháp. Bị bắt và tuyên án tù chung thân, ông đã tự sát khi bị giải đến Cao Bằng.
- Lâm Quang Trung, một sĩ quan tốt nghiệp trường Võ Bị Bắc Kinh khác gia nhập quân đội Trung Quốc và được Viên Thế Khải gọi đi nghiên cứu tình hình tại vùng biên giới Quảng Tây và Việt Nam. Bị ốm và phải vào bệnh viện, ông chịu không nổi tình trạng ngồi không nên nhảy xuống sông Châu Giang tự tử.

- Hoàng Trọng Mậu, một con người đặc biệt thông minh, thông thạo cổ văn Trung Quốc và nói tiếng phổ thông như người Bắc Kinh. Tốt nghiệp trường Võ Bị Bắc Kinh, ông đặc biệt quan tâm đến chiến lược cách mạng và là tác giả phần chiến lược cách mạng trong tuyên ngôn của Việt Nam Quang Phục Hội năm 1912 và là người làm phần ghi chú và viết lời tựa cho cuốn *Việt Nam Quốc Sử Khảo* của Phan Bội Châu. Khi thế chiến thứ nhất nổ ra, ông tổ chức một cuộc tấn công vào đồn binh của Pháp tại Lạng Sơn hy vọng rằng sẽ kích thích được binh sĩ Việt Nam nổi dậy. Nhưng cuộc tấn công không thành, ông bị Pháp bắt và đem ra xử tử tại Hà Nội năm 1916.
- Cùng bị xử bắn với ông là Trần Hữu Lực con thứ hai của người thầy dạy Phan Bội Châu ở Việt Nam cũng tốt nghiệp trường võ bị tại Trung Quốc và phụ trách các hoạt động của Việt Nam Quang Phục Hội tại Thái Lan. Bị mật thám Pháp bắt cóc tại Thái Lan. Với sự đồng lõa của Thái Lan, ông bị đưa về Hà Nội và kết án tử hình.
- Nguyễn Quỳnh Lâm mới 15 tuổi khi bỏ nước sang Nhật. Bị trục xuất tại Nhật, ông sang Trung Quốc và học hóa học tại Hồng Kông. Trong khi học làm chất nổ, ông bị mật thám Anh bắt, nhưng sau đó được thả và trục xuất sang Trung Quốc. Ông gia nhập Quốc Dân Đảng Trung Quốc và tử trận khi bảo vệ Nam Kinh chống lại lực lượng phản cách mạng của Viên Thế Khải.
- Mai Lao Bang, đại diện cho cộng đồng Công Giáo trong Duy Tân Hội là một trong những người công giáo đầu tiên được gửi đi Nhật năm 1908. Sau đó ông hoạt động trong lãnh vực tuyên truyền chuyên về Công Giáo. Đầu tiên hoạt động tại Thái Lan, ông bị cảnh sát Thái Lan bắt và trục xuất về Trung Quốc. Tại Trung Quốc ông bị bắt cùng với Phan Bội Châu. Khi được thả ông hoạt động ở Thượng Hải nhưng rồi bị mật thám Anh bắt vào giao cho Pháp đưa về Việt Nam cầm tù tại Hà Nội. Những bài thơ của ông đã được phổ biến rộng rãi trong giới những người yêu nước thời đầu thế kỷ.

Qua một số những cuộc đời tiêu biểu đó ta có thể thấy tầm quan trọng và ý nghĩa của phong trào Đông Du đối với lịch sử cách mạng Việt Nam, một phong trào mà chỉ trong một thời gian ngắn ngủi đã sinh ra nhiều nhà ái quốc có tài như vậy.